

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN CỦA SINH VIÊN
DÀNH CHO SINH VIÊN ĐẠI HỌC VÀ CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY**

Học kỳ.....Năm học 20..... – 20.....

Họ và tên sinh viên:.....

Mã số SV:.....Chức vụ (Lớp, Đoàn, Hội).....

Lớp:.....Khóa:.....Khoa:.....

NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	Điểm quy định tối đa	Điểm đánh giá
PHẦN I: Đánh giá về ý thức tham gia học tập	20	
1.1. Ý thức và thái độ trong học tập	4	
1.1.1. Đi học đầy đủ, không vắng học không phép.	+ 4	
1.1.2. Vắng học không phép:		
1.1.2.1. 1 buổi;	- 2	
1.1.2.2. 2 buổi;	- 3	
1.1.2.3. 3 buổi trở lên.	- 4	
1.2. Ý thức và thái độ tham gia các câu lạc bộ học thuật, các hoạt động học thuật, hoạt động ngoại khóa, hoạt động nghiên cứu khoa học	3	
1.2.1. Tham dự đầy đủ tất cả các chương trình về học tập được tổ chức trong nhà trường như: Các cuộc thi học thuật, hội thảo, diễn đàn...;	+ 2	
1.2.2. Tham gia đề tài nghiên cứu khoa học các cấp; có bài viết được đăng tạp chí, báo, kỷ yếu hội thảo, hội nghị trong và ngoài trường; viết Khóa luận tốt nghiệp.	+ 1	
1.3. Ý thức và thái độ tham gia các kỳ thi, cuộc thi	4	
1.3.1. Nghiêm túc chấp hành nội quy của các kỳ thi, cuộc thi; Tham gia đầy đủ các buổi thi của các kỳ thi kết thúc học phần;	+ 2	
1.3.2. Tham gia dự thi các cuộc thi học thuật, cuộc thi nghiên cứu khoa học do các đơn vị, các cấp trong và ngoài trường tổ chức (tham gia 1 hoạt động: 1 điểm; tham gia từ 2 hoạt động trở lên: 2 điểm);	+ 2	
1.4. Tinh thần vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập	4	
1.4.1. Có ý thức phấn đấu vươn lên trong học tập, kết quả học tập học kỳ sau cao hơn học kỳ trước (đối với sinh viên có kết quả học tập xếp loại Giỏi và Xuất sắc được cộng điểm tại mục này);	+ 2	
1.4.2. Không có học phần nào bị điểm F trong học kỳ xét.	+2	
1.5. Kết quả học tập	5	
1.5.1. Kết quả học tập xếp loại Xuất sắc;	+ 5	
1.5.2. Kết quả học tập xếp loại Giỏi;	+ 4	
1.5.3. Kết quả học tập xếp loại Khá;	+ 3	
1.5.4. Kết quả học tập xếp loại Trung bình Khá.	+ 1	
Cộng phần I:	20	
PHẦN II: Đánh giá về ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong Trường	25	
2.1. Ý thức chấp hành các văn bản chỉ đạo của ngành, cơ quan chỉ đạo cấp trên được thực hiện trong Trường	10	
2.1.1. Các trường hợp sau đây được cộng điểm:		

2.1.1.1. Chấp hành các văn bản chỉ đạo của ngành, cơ quan chỉ đạo cấp trên được thực hiện trong trường;	+ 5	
2.1.1.2. Tham gia đầy đủ, đạt yêu cầu các buổi sinh hoạt công dân đầu năm, đầu khóa; sinh hoạt chính trị theo chủ trương của cấp trên và Nhà trường.	+ 5	
2.1.2. Các trường hợp sau đây bị trừ điểm:		
2.1.2.1. Không chấp hành các văn bản chỉ đạo của ngành, cơ quan chỉ đạo cấp trên được thực hiện trong trường, thường xuyên bị nhắc nhở;	- 5	
2.1.2.2. Vắng từ 1 đến 3 buổi sinh hoạt công dân đầu năm, đầu khóa; sinh hoạt chính trị theo chủ trương của cấp trên và Nhà trường.	- 5	
2.2. Ý thức chấp hành các nội quy, quy chế và các quy định khác được áp dụng trong Trường	15	
2.2.1. Ý thức chấp hành các quy chế liên quan đến đào tạo, tổ chức thi, kiểm tra	5	
2.2.1.1. Có thái độ nghiêm túc và ý thức tự giác cao trong học tập, trong làm bài tập lớn, làm báo cáo, viết tiểu luận, chuyên đề, kiểm tra, thi.	+ 5	
2.2.1.2. Vi phạm quy chế đào tạo, tổ chức thi, kiểm tra.	- 5	
2.2.2. Ý thức chấp hành quy chế, quy định liên quan đến công tác sinh viên, quy chế ở nội trú, ngoại trú:	5	
2.2.2.1. Có thái độ nghiêm túc và ý thức tự giác cao trong việc chấp hành các quy chế, quy định liên quan đến công tác sinh viên, quy chế ở nội trú, ngoại trú.	+ 5	
2.2.2.2. Các trường hợp sau đây bị trừ điểm:		
- Vi phạm một nội dung trong khung kỷ luật của quy chế sinh viên, quy chế nội trú, ngoại trú bị nhắc nhở, chưa bị xử lý kỷ luật;	- 2	
- Vi phạm một nội dung trong khung kỷ luật của quy chế sinh viên, quy chế nội trú, ngoại trú bị kỷ luật khiển trách;	- 4	
- Vi phạm một nội dung trong khung kỷ luật của quy chế sinh viên, quy chế nội trú, ngoại trú bị kỷ luật cảnh cáo.	- 5	
2.2.3. Ý thức chấp hành các nội quy, quy định khác được thực hiện trong Trường	5	
Chấp hành tốt các nội quy, quy định về sử dụng tài sản của Trường; đóng học phí và các khoản thu theo quy định; tuân thủ nội quy giảng đường, thư viện, phòng máy, phòng thực hành.... (Vi phạm các điều trên tùy mức độ bị trừ từ 2 đến 5 điểm)	+ 5	
Cộng phần II:	25	
PHẦN III: Đánh giá về ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội	20	
3.1. Ý thức và hiệu quả tham gia các hoạt động rèn luyện về chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao	10	
3.1.1. Các trường hợp sau đây được cộng điểm (chỉ cộng tối đa 10 điểm):	10	
3.1.1.1. Tham gia thực hiện đầy đủ các hoạt động rèn luyện về chính trị, xã hội do Đảng ủy, Ban Giám hiệu, các đơn vị chức năng, Đoàn trường, Hội Sinh viên trường tổ chức;	+ 5	
3.1.1.2. Tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, do các đơn vị chức năng, các cấp Đoàn - Hội trong Nhà trường tổ chức:	4	
- Tham gia biểu diễn, dự thi;	+ 4	
- Tham gia cổ vũ (cộng điểm dựa theo danh sách cử đi của lớp).	+ 2	
3.1.1.3. Tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao do Tỉnh, Trung ương tổ chức:	4	
- Tham gia biểu diễn, dự thi;	+ 4	
- Tham gia cổ vũ (cộng điểm dựa theo danh sách cử đi của lớp).	+ 2	
3.1.2. Các trường hợp sau đây bị trừ điểm (chỉ trừ tối đa 10 điểm):	10	
3.1.2.1. Không nộp bài thu hoạch, bài kiểm tra cuối đợt học tuần sinh hoạt công dân sinh viên;	- 4	
3.1.2.2. Không chấp hành thực hiện sự điều động, phân công điều hành của	- 4	

Nhà trường, đơn vị, GVCV lớp, Lớp trưởng, các tổ chức đoàn thể, Hội; 3.1.2.3. Sử dụng mạng xã hội để bình luận, nói xấu, bôi nhọ làm ảnh hưởng đến danh dự người khác.	- 4	
3.2. Ý thức tham gia các hoạt động công ích, tình nguyện, công tác xã hội (chỉ cộng tối đa 5 điểm)	5	
3.2.1. Hiến máu nhân đạo;	+ 4	
3.2.2. Mùa hè xanh;	+ 3	
3.2.3. Xuân yêu thương;	+ 2	
3.2.4. Ngày thứ Bảy tình nguyện, Ngày Chủ nhật xanh, các hoạt động của các Câu lạc bộ tình nguyện... (1 điểm/1 lần tham gia).	+ 1	
3.3. Tham gia tuyên truyền, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội	5	
3.3.1. Tích cực tham gia các hoạt động tuyên truyền, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội, phòng chống mại dâm, ma túy; có ý thức ngăn ngừa văn hóa phẩm đồi trụy và phản động; không cá độ, đánh bạc dưới mọi hình thức;	+ 5	
3.3.2. Vi phạm quy định của pháp luật về phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội.	- 5	
Cộng phần III:	20	
PHẦN IV: Đánh giá về ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng	25	
4.1. Ý thức chấp hành và tham gia tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong cộng đồng	10	
4.1.1. Các trường hợp sau đây được cộng điểm:		
4.1.1.1. Tham gia dự thi các cuộc thi tìm hiểu về lịch sử dân tộc, lịch sử Đảng, Nhà nước và của địa phương; tìm hiểu về Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; tìm hiểu pháp luật...;	+ 5	
4.1.1.2. Tham gia tuyên truyền, học tập, triển khai và chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; giữ gìn không vi phạm an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội, phòng chống tội phạm, không gây mất đoàn kết; không vi phạm Luật giao thông đường bộ, thực hiện đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông.	+ 5	
4.1.2. Các trường hợp sau đây bị trừ điểm: có hành động gây mất đoàn kết trong tập thể; vi phạm an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội; vi phạm Luật giao thông đường bộ bị xử lý; có thái độ, hành vi thiếu tích cực, vi phạm quy định chung (tùy mức độ bị trừ từ 5 đến 10 điểm).	- 10	
4.2. Ý thức tham gia các hoạt động xã hội có thành tích được ghi nhận, biểu dương, khen thưởng (lấy mức khen thưởng cao nhất)	5	
4.2.1. Được khen thưởng của Đoàn, Hội cấp Liên chi đoàn, Liên chi hội; cấp xã, phường;	+ 3	
4.2.2. Được khen thưởng cấp Khoa, Phòng, Ban; khen thưởng cấp Đoàn trường, cấp Hội Sinh viên trường; cấp huyện, thành phố thuộc tỉnh;	+ 4	
4.2.3. Được khen thưởng cấp Trường, Tỉnh, Trung ương.	+ 5	
4.3. Có tinh thần chia sẻ, giúp đỡ người thân, người có khó khăn, hoạn nạn	10	
4.3.1. Có tinh thần chia sẻ, giúp đỡ người thân, bạn học, người có khó khăn, hoạn nạn;	+ 5	
4.3.2. Trực tiếp tham gia các hoạt động vì người nghèo, trẻ em tàn tật; cứu trợ đồng bào bị thiên tai, khắc phục hậu quả lũ lụt; quyên góp ủng hộ các chương trình thiện nguyện... do các cấp Đoàn - Hội trong Nhà trường hoặc các đoàn thể xã hội khác phát động (ngoài các hoạt động đã được tính điểm ở Phần III, mục 2; 2 điểm/ 1 lần tham gia; tối đa 5 điểm).	+ 5	
Cộng phần IV:	25	
PHẦN V: Đánh giá về ý thức và kết quả khi tham gia công tác phụ trách lớp, các đoàn thể, tổ chức trong Nhà trường hoặc đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện của sinh viên	10	
5.1. Sinh viên đạt thành tích trong học tập, các hoạt động phong trào được khen thưởng (chỉ cộng tối đa 10 điểm):	10	
5.1.1. Được nhận Học bổng trong và ngoài trường (Học bổng khuyến khích	+ 7	

học tập tại trường được cấp ở học kỳ trước liền kề); có đề tài nghiên cứu khoa học đạt giải;		
5.1.2. Thành viên trong các đội tuyển cấp Trường, Tỉnh về các hoạt động học thuật, văn hóa, văn nghệ, thể thao: tham gia dự thi và đạt giải;	+ 7	
5.1.3. Tham gia vào 1 tổ chức Câu lạc bộ thuộc Trường có hoạt động sôi nổi; có đóng góp vào sự phát triển của Nhà trường được ghi nhận; có đóng góp vào công tác xã hội, tình nguyện cộng đồng:	7	
5.1.3.1. Là Chủ tịch, Phó chủ tịch Câu lạc bộ;	+ 7	
5.1.3.2. Là thành viên.	+ 5	
5.1.4. Đạt giải trong các cuộc thi học thuật, văn hóa, văn nghệ, thể thao do các đơn vị chức năng, các cấp Đoàn - Hội trong Nhà trường tổ chức.	+4	
5.2. Đối với sinh viên là thành viên Ban đại diện Lớp; Ban chấp hành (BCH) Chi đoàn; BCH Chi hội; BCH Liên chi; BCH Đoàn trường; BCH Hội sinh viên trường (chi cộng tối đa 10 điểm)	10	
5.2.1. Là thành viên BCH Đoàn trường, BCH Hội SV trường (dựa theo kết quả họp phân loại của BCH Đoàn, BCH Hội SV trường, tối đa 10 điểm);	+ 10	
5.2.2. Là thành viên BCH Liên chi (dựa theo kết quả họp phân loại của BCH Liên chi, tối đa 8 điểm);	+ 8	
5.2.3. Là thành viên Ban đại diện Lớp, BCH Chi Đoàn, BCH Chi hội có kỹ năng tổ chức, quản lý Lớp, Đoàn, Hội tốt:	7	
5.2.3.1. Tỷ lệ sinh viên trong lớp đạt xếp loại rèn luyện: Xuất sắc \geq 5%; không có Yếu, Kém;	+ 7	
5.2.3.2. Tỷ lệ sinh viên trong lớp đạt xếp loại rèn luyện: 0% < Xuất sắc < 5%; không có Yếu, Kém;	+ 6	
5.2.3.3. Tỷ lệ sinh viên trong lớp đạt xếp loại rèn luyện: không có Yếu, Kém;	+ 5	
5.2.3.4. Tỷ lệ sinh viên trong lớp đạt xếp loại rèn luyện: có Yếu, Kém.	0	
Cộng phần V:	10	
Tổng cộng điểm Phần I + II + III + IV + V:	100	
<p>Lưu ý: 1. Phiếu đánh giá này dùng cho sinh viên đại học và cao đẳng hệ chính quy;</p> <p>2. Trong học kỳ đánh giá rèn luyện, nếu sinh viên bị kỷ luật mức khiển trách, cảnh cáo ở học kỳ trước và trong học kỳ hiện tại đã được xóa kỷ luật thì bị hạ bậc mức điểm xếp loại rèn luyện thấp hơn sinh viên không bị kỷ luật (chi áp dụng đối với sinh viên có tổng kết quả điểm rèn luyện từ loại Khá, Tốt trở lên và mức điểm hạ bậc là 11 điểm/tổng điểm/loại);</p> <p>3. Trong học kỳ đánh giá rèn luyện, nếu sinh viên bị kỷ luật mức khiển trách chưa được xóa, khi đánh giá kết quả rèn luyện không được vượt quá loại Khá (đối với sinh viên hệ đại học chính quy) và loại Trung bình (đối với sinh viên hệ cao đẳng chính quy);</p> <p>4. Sinh viên bị kỷ luật mức cảnh cáo chưa được xóa, khi đánh giá kết quả rèn luyện không được vượt quá loại Trung bình (đối với sinh viên hệ đại học chính quy) và loại Trung bình khá (đối với sinh viên hệ cao đẳng chính quy);</p> <p>5. Sinh viên không tham gia đánh giá kết quả rèn luyện thì bị điểm 0 (không);</p> <p>6. Sinh viên bị xếp loại rèn luyện yếu, kém trong hai học kỳ liên tiếp thì phải tạm ngừng học ít nhất một học kỳ ở học kỳ tiếp theo; sinh viên bị xếp loại rèn luyện yếu, kém hai học kỳ liên tiếp lần thứ hai thì sẽ bị buộc thôi học (áp dụng đối với sinh viên đào tạo Đại học chính qui);</p> <p>7. Sinh viên bị xếp loại rèn luyện kém trong cả năm học thì phải tạm ngừng học ở năm học tiếp theo và nếu bị xếp loại rèn luyện kém cả năm lần thứ hai thì sẽ bị buộc thôi học (áp dụng đối với sinh viên đào tạo Cao đẳng chính qui).</p>		